TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2018/DS-ST
Ngày: 18/10/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Hương

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/DSST ngày 04/07/2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 104/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa 84/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T , sinh năm 1977; địa chỉ: 341/6E đường Q, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Ngọc G , sinh năm 1962; địa chỉ: 1525/27/1 đường H, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/06/2018, các bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/09/2016, bà Phạm Thị Thanh T có cho bà Trương Ngọc G vay số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 (một) năm, không có lãi suất. Sau đó, bà G đã trả một phần cho bà T là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, qua nhiều lần đòi nợ, bà G vẫn chưa thanh toán đủ số tiền đã vay cho bà T dù đã quá hạn trả nợ.

Do đó bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Ngọc G trả cho bà T số tiền 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu bà G trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Thanh T và bà Trương Ngọc G là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là bà Trương Ngọc G hiện đang cư trú tại Quận 11 nên căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Toà án mà không có lý do dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Ngày 21/8/2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ bản chính hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 25/09/2016 có chữ ký và dấu vân tay của bà Trương Ngọc G , cho nên có cơ sở xác định bà G có vay của nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng và khoản vay đã đến hạn thanh toán. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 478 Bộ Luật dân sự 2005 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi suất. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay tài sản thì tất cả các khoản vay đều đã đến hạn, căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Do bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 8.500.000 đồng, vì vậy yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu bà Trương Ngọc G phải trả số nợ 36.500.000 đồng đã vay là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã ban hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ghi rõ nội dung khởi kiện của nguyên đơn cũng như các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và gửi cho bà Trương Ngọc G . Các tài liệu vừa nêu Tòa án đã tống đạt và đã được bà G nhận trực tiếp các văn bản trên theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà G cố tình vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến đối với nội dung trình bày của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trương Ngọc G trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: "bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận là 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)".

Vì vậy, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 1.825.000 (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền án phí đã nộp là 912.500 đồng (chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008962 ngày 02/07/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 267 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 474, Khoản 1 Điều 478, của Bộ Luật Dân sự 2005, Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Phạm Thị Thanh T, buộc bà Trương Ngọc G trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà Trương Ngọc G chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì bà G còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bà T theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Trương Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.825.000 (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền án phí đã nộp là 912.500 đồng (chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008962 ngày 02/07/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lại Thị Thu Thủy